**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2019

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Văn Vương

2. Ông Đặng Hoàng Thành

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

***- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:*** Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1977 (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Võ Thành Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:*

Bà N và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà và ông Đ bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông Đ không quan tâm đến bà, ông bà đã được gia đình hai bên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà N xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Đ nên bà yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Đ.

Con chung tên Võ Duy T, sinh ngày 08/5/1997 (giới tính nam) hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà N không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là ông Võ Thành Đ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông Đ có nơi cư trú tại khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho ông Đ nhưng ông Đ không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà N và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có triệu tập xét

xử hợp lệ nhưng ông Đ vắng mặt không có lí do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Võ Thành Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống bà N và ông Đ có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Võ Thành Đ là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà N và ông Đ có một người con chung tên Võ Duy T, sinh ngày 08/5/1997 (giới tính nam) hiện đang sống chung với bà N, cháu T có nguyện vọng sống chung với bà N. Xét thấy con chung đã trưởng thành, có thể tự lo cho bản thân. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu không xem xét về con chung nên không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà N xác định bà và ông Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Bà N, quá trình chung sống bà và ông Đ không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và tại biên bản làm việc với người làm chứng ngày 24/12/2018 xác nhận trong thời gian chung sống không có ai yêu cầu về nợ tại địa phương đối với bà N và ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia

đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Võ Thành Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều N.

2.1.Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Võ Thành Đ là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Võ Duy T, sinh ngày 08/5/1997 (giới tính nam), đã trưởng thành nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 03 tháng 12 năm 2018 bà N có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005793 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*-VKSND huyện Thới Bình;*
*-Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
*-TAND tỉnh Cà Mau;*
*-Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan Anh**